

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09-10-2024

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ton.

2/ Bà Võ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 267/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Ngọc K, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số I đường C, khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thanh H, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 09 đường Chu Văn An, khu phố 6, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở: Đường số 15, khu đô thị Việt Sinh – An Bình, khu phố 2, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trương Ngọc K trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thanh H kết hôn vào tháng 2 năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào ngày 17/4/2002. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng cách nay khoảng 01 năm thì anh và chị H có nhiều bất đồng nên không hợp nhau, đỉnh điểm đầu năm 2024 thì mâu thuẫn nhiều. Anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với chị H nên yêu cầu xin ly hôn.

Con chung: Trương Huỳnh Vĩ Đ, sinh ngày 11/12/2003 và Trương Huỳnh Vĩ K1, sinh ngày 05/4/2012. Anh đồng ý để chị H nuôi cháu Vĩ K1, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 18 tuổi; riêng Trương Huỳnh Vĩ Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Huỳnh Thanh H trình bày:*

Trong quá trình chung sống, chị và anh K không hạnh phúc là do anh K lo cảm xúc cá nhân; anh K đi chơi không quan tâm đến chị. Chị lo cho gia đình, con cái và không có lỗi gì. Thời gian gần đây, anh K quen người phụ nữ khác; thời gian đầu chị bỏ qua nhưng từ khi anh K quen đậm với người phụ nữ đó, chị lên tiếng thì anh K yêu cầu ly hôn. Hiện chị và anh K không còn tiếng nói chung. Nếu anh K kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý theo cảm xúc của anh K nhưng anh K hứa sang tên tài sản cho chị và con thì khi anh K chuyển tên tài sản xong thì chị mới ký tên ly hôn, còn anh K gấp ly hôn thì tùy anh K.

Con chung: Trương Huỳnh Vĩ Đ, sinh ngày 11/12/2003 và Trương Huỳnh Vĩ K1, sinh ngày 05/4/2012. Cháu Đ đang sống với anh K, cháu K1 đang sống với chị. Chị đồng ý nuôi cháu K1, anh K tự cấp dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 1.000.000 đồng thì chị không ý kiến gì; chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu K1. Riêng Trương Huỳnh Vĩ Đ đã trưởng thành nhưng đang học đại học, nếu anh K phụ tiền cho con đi học thì phụ còn chị không yêu cầu, do anh K tự nguyện.

Tài sản chung anh K hứa sang tên cho chị và con thì khi anh K thực hiện sang tên. Chị không có tranh chấp tài sản chung. Nợ chung chị và anh K không có.

** Theo bản ý kiến thì cháu Trương Huỳnh Vĩ K1 có nguyện vọng sống với chị H.*

** Tại Tòa:*

Nguyên đơn anh K trình bày: Nguyên nhân anh giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thanh H là vì trong quá trình chung sống chị H nghi ngờ, không tin tưởng anh; thời gian kéo dài khoảng 10 năm. Anh có bạn bè, chọc ghẹo nhau nhưng chị H do tác động người ngoài nên thời gian gần đây mâu thuẫn nhiều hơn nên anh và chị H sống ly thân từ tháng 3/2024. Con chung: Trương

Huỳnh Vĩ Đ, sinh ngày 11/12/2003 và Trương Huỳnh Vĩ K1, sinh ngày 05/4/2012. Anh đồng ý để chị H nuôi cháu K1 và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu K1 tròn 18 tuổi. Riêng Trương Huỳnh Vĩ Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Trương Ngọc K và chị Huỳnh Thanh H có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào ngày 17/4/2002 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh K và chị H không dung hòa mâu thuẫn nên mâu thuẫn trầm trọng hơn, đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh K là có cơ sở. Về con chung: Trương Huỳnh Vĩ Đ, sinh ngày 11/12/2003 và Trương Huỳnh Vĩ K1, sinh ngày 05/4/2012; cháu K1 có nguyện vọng sống với chị H và chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Anh K tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng nuôi cháu K1 là 2.000.000 đồng nên được ghi nhận. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu ly hôn với chị H. Giao cháu K1 cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng mỗi tháng cho cháu K1 là 2.000.000 đồng. Riêng Trương Huỳnh Vĩ Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung trình bày không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn chị Huỳnh Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Ngọc K và chị Huỳnh Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào ngày 17/4/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh K và chị H phát sinh mâu thuẫn sống ly thân từ tháng 3 năm

2024; đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Chị H cho rằng anh K hứa sang tên tài sản cho chị và con nhưng chưa thực hiện nên chị không đồng ý ly hôn nhưng chị H không tranh chấp tài sản trong vụ án này. Do đó, lý do chị H không đồng ý ly hôn là không phù hợp. Xét thấy, hôn nhân anh K và chị H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K đối với chị H.

[2] Về con chung: Anh K đồng ý để chị H nuôi cháu Trương Huỳnh Vĩ K1, sinh ngày 05/4/2012; chị H đồng ý tiếp tục nuôi cháu K1 và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu K1. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu K1, tuy nhiên anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu K1 tròn 18 tuổi. Do đó, giao chị H tiếp tục nuôi cháu K1; ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu K1 tròn 18 tuổi là phù hợp theo Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Riêng Trương Huỳnh Vĩ Đ, sinh ngày 11/12/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động; anh K và chị H không yêu cầu giải quyết.

[3] Tài sản chung: Anh K và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh K và chị H trình bày không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng sơ thẩm: 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) anh Trương Ngọc K phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Ngọc K đối với chị Huỳnh Thanh H.

2. Con chung: Trương Huỳnh Vĩ Đ, sinh ngày 11/12/2003 đã trưởng thành; anh K và chị H không yêu cầu giải quyết. Cháu Trương Huỳnh Vĩ K1, sinh ngày 05/4/2012 do chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp

dưỡng nuôi cháu K1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu K1 tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/10/2024.

Anh Trương Ngọc K có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Anh K và chị H không yêu cầu giải quyết.

4. Nợ chung: Anh K và chị H trình bày không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) anh Trương Ngọc K phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002315 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Anh K còn phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND TT Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

